

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 24/7/2019;
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Châu Vũ Bình;

2/ Bà Lê Thị Ngọc Ánh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXX-ST ngày 24/6/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Trần Minh A** – sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Long An.

*** Bị đơn:** **Lê Thị Mỹ B** - sinh năm: 1996;

Địa chỉ: ấp F, xã G, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

(Anh A có mặt, chị B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Minh A trình bày: Anh và chị Lê Thị Mỹ B sống chung vào năm 2015 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã D, huyện E, tỉnh Long An vào năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống bên gia đình chị B. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi. Anh và chị B đã ly thân từ tháng 03/2018. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung, tên Trần Hoài H - sinh ngày 12/11/2016. Hiện cháu H đang sống chung với chị B. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu H cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi lao động được, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lê Thị Mỹ B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và chị B không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy việc mâu thuẫn giữa anh A và chị B là có thật, thời gian ly thân đã kéo dài, Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhưng chị B đều vắng mặt, qua đó cho thấy chị B không muốn hàn gắn tình cảm với anh A nên yêu cầu của anh A về tình cảm và con chung là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Minh A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ B, giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa anh A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 03/2018 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập chị B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh A, qua đó cho thấy chị B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với anh A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Trần Hoài H đang sống ổn định với chị B, do đó việc anh A đồng ý giao cháu H cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi lao động được, bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Tòa án ghi nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh A.

- Về tình cảm: Anh Trần Minh A được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ B.

- Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Hoài H, sinh ngày 12/11/2016. Anh Trần Minh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi lao động được. Thời gian thực hiện bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật. Anh Trần Minh A được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Anh Trần Minh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng 600.000 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015893 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, như vậy anh A phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Anh A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với chị B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy